

BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM PHẪU THUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1418 /2012/QĐ/TGD-BHBV ngày 9/5/2012
của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

Số	LOẠI PHẪU THUẬT	Tỷ lệ trả tiền (%)	
TT		Tối thiểu	Tối đa
	Não, hệ thần kinh		
	Xương sọ:		
1	- Khoan sọ không kèm theo can thiệp nào khác	8	12
2	- Khoan sọ hoặc khoét tròn xương sọ để lấy máu tụ, não dập	20	30
3	- Khoan sọ hoặc khoét tròn xương sọ để dẫn lưu áp xe, nang	23	33
4	- Cắt bỏ hay cắt mở phần xương sọ	35	48
	<i>Nâng mảnh xương gãy sập ngoài màng cứng:</i>		
5	- Gãy đơn giản hoặc gãy vụn nhiều mảnh	22	28
6	- Có kèm theo cắt lọc não và tái tạo màng cứng	30	38
	Não:		
7	- Lấy bỏ u não	45	57
8	- Lấy bộ áp xe não	40	50
9	- Lấy dị vật trong não	40	50
10	- Cắt bỏ 1 phần hoặc toàn bộ thủy não	44	55
11	- Mở thông thủy não, kể cả mở bó liên hợp khuru-hải mã	25	33
12	- Cắt bỏ bán cầu não	55	67
	Cột sống:		
13	- Cắt bỏ đĩa đệm (theo đường trước hoặc sau)	25	35
	<i>Cắt bỏ cung sau, có hoặc không kèm theo giải phóng rễ thần kinh:</i>		
14	- Vùng cổ, ngực	35	45
15	- Vùng thắt lưng	32	40
16	- Quá 2 đoạn cổ, ngực hoặc thắt lưng	60	75
	<i>Mở cung sau giải phóng chèn ép rễ thần kinh:</i>		
17	- Vùng cổ, ngực	26	36
18	- Vùng thắt lưng	22	33
19	- Chọc cột sống thắt lưng giải phóng chèn ép	2	2
	Mắt		
	Kết mạc:		
20	- Chích tháo nang, phóng dịch	1	1
21	- Chích chấp ở 1 hoặc nhiều vị trí	2	3
22	- Lấy bỏ dị vật kết mạc	1	1
	Giác mạc:		
23	- Cắt hoặc di chuyển mộng mắt	5	9
24	- Khoét bỏ tổn thương	5	11

25	- Cơ ngoài: xử lý vết thương	3	5
26	- Nhân cầu: Lấy bỏ nhân cầu có ghép độn	23	30
	Hệ thống tuyến lệ:		
27	- Chích tháo tuyến hay túi lệ	1	3
28	- Cắt bỏ tuyến hay túi lệ	8	16
	Thủy tinh thể:		
29	- Cắt thủy tinh thể đơn thuần	15	25
30	- Có kèm theo lắp thủy tinh thể nhân tạo	20	27
31	- Rạch bao thủy tinh thể (chích hoặc chọc thủng bao)	3	8
	Võng mạc:		
32	- Điều trị bong võng mạc	22	30
33	- Cùng võng mạc: Tạo đường dò trong glôcôm, khoan thủng với cắt bỏ mống mắt	16	20
34	- Xử lý lồi cùng mạc có ghép	25	35
	Tai - mũi - họng		
	Tai:		
35	- Cắt bỏ Pô líp trong tai	2	3
36	- Cắt bỏ đường rò luân nhĩ	4	6
37	- Mở cửa sổ	32	40
38	- Cắt mê lộ kèm theo cắt xương chũm	65	80
39	- Cắt xương chũm	25	35
40	- Tạo hình màng nhĩ	17	25
41	- Tạo hình màng nhĩ có cắt xương chũm, tái tạo chũm tiểu cốt nhĩ	32	42
42	- Lấy xương bàn đạp	15	22
43	- Mở hang chũm qua xương chũm	12	18
44	- Mở thông màng nhĩ, đặt ống thông	4	7
	Mũi:		
45	- Đốt, sinh thiết niêm mạc mũi	1	1
46	- Cắt bỏ pô lyp, nang	3	3
47	- Cắt một phần hoặc toàn bộ xương xoăn, cắt dưới niêm mạc	8	14
48	- Lấy bỏ dị vật trong mũi	4	7
49	- Rửa xoang, hang	1	1
50	- Mở xoang hàm (phẫu thuật Caldwell Luc) 1 hoặc 2 bên	14	20
51	- Mở thông xoang	2	7
	Họng:		
52	- Soi thanh quản có làm sinh thiết	2	5
53	- Mở thanh quản lấy u	20	30
54	- Cắt toàn bộ thanh quản có hoặc không kèm theo nạo vét hạch cổ	40	50
55	- Cắt bỏ hoặc cắt bấm các dây nói	5	10
56	- Nạo VA hoặc dẫn lưu áp xe quanh hạnh nhân	1	2
57	- Cắt Amidam có hoặc không kèm theo nạo VA	3	8
58	- Điều trị họng hạt bằng phương pháp nhiệt	2	5

	Hệ thống nội tiết		
59	- Chích tháo dẫn lưu nang tuyến giáp, nang giáp lưỡi, sinh thiết	2	2
60	- Cắt bỏ u, nang tuyến giáp, cắt eo tuyến	10	15
	<i>Cắt tuyến giáp:</i>		
61	- Cắt 1 phần, bán phần hoặc hầu như toàn bộ	16	22
62	- Cắt toàn bộ	18	24
63	- Cắt toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ tuyến giáp kèm theo nạo vét triệt để hạch cổ	37	45
	Tim và bộ máy tuần hoàn		
64	- Màng ngoài tim: mở màng ngoài tim để lấy máu cục hoặc dị vật	20	25
	Tim:		
65	- Cắt u trong tim có làm nối tắt	45	55
66	- Đặt máy tạo nhịp tim với điện cực ở lá tạng màng ngoài tim	15	20
67	- Xử lý vết thương tim có làm nối tắt	35	43
	Van tim:		
68	- Mở rộng van tim đơn thuần (nong van tim)	35	40
69	- Mở rộng van tim có nối tắt	40	50
70	- Tạo van tim có nối tắt	45	55
71	- Đặt van đơn	60	72
72	- Mở van tim đặt van kép / tạo hình một van tim	65	82
73	- Đặt van chạc ba	80	100
	Động mạch chủ và các mạch máu lớn:		
74	- Khâu tổn thương có nối tắt	35	43
75	- Thủ thuật sau nhồi máu trong thông vách liên thất	63	75
	Động mạch vành:		
76	- Thắt động mạch	24	31
77	- Thắt động mạch có kèm theo nối tắt	50	62
78	- Động mạch phổi: Lấy bỏ cục máu gây tắc mạch, có nối tắt	45	55
	Các động mạch và tĩnh mạch:		
79	- Lấy cục ngẽn động mạch	15	20
80	- Lấy máu cục tĩnh mạch	13	17
	<i>Thắt, cắt, rút:</i>		
81	+ Tĩnh mạch hiển dài giãn 1 bên	7	10
82	+ Tĩnh mạch hiển dài giãn 2 bên	11	15
83	+ Tĩnh mạch hiển ngắn giãn 1 bên	6	9
84	+ Tĩnh mạch hiển ngắn giãn 2 bên	11	14
85	+ Cả tĩnh mạch hiển dài và ngắn giãn 1 bên	10	13
86	+ Cả tĩnh mạch hiển dài và ngắn giãn 2 bên	15	19
87	- Thắt và khoét bỏ các tĩnh mạch nhỏ	2	2
	Lồng ngực, cơ quan hô hấp		
88	- Soi phế quản có sinh thiết	4	8
89	- Cắt màng phổi thành	24	30

90	- Cắt lá phổi	38	45
91	- Cắt thủy, phân thủy phổi	32	39
92	- Mở lá phổi dẫn lưu áp xe, nang	16	21
93	- Bóc vỏ phổi	25	32
94	- Cắt rìa lá phổi, cắt bỏ tổn thương một hoặc nhiều vị trí	25	31
95	- Cắt có đánh xẹp sườn hay tạo hình thành ngực	35	45
96	- Mở ngực có hoặc không làm sinh thiết phổi/ màng phổi	10	14
97	- Mở thông thành ngực để đặt ống dẫn lưu vào bình nước	2	3
98	- Có cắt sườn để điều trị mũ phế mạc	10	13
99	- Cắt sườn, đánh xẹp sườn	15	20
100	- Mở khí quản	5	8
	Bụng và bộ máy tiêu hoá		
	Bụng:		
101	- Mở ổ bụng thăm dò, thủ thuật mở bụng, thăm dò sau phúc mạc	8	14
102	- Dẫn lưu áp xe trong hố phúc mạc	10	16
	Đường dẫn mật:		
103	- Cắt túi mật đơn thuần	15	21
104	- Cắt túi mật kèm theo kiểm tra đường dẫn mật (ống mật chủ)	16	23
105	- Mở túi mật hoặc mở đường dẫn mật lấy sỏi	14	18
	Gan:		
106	- Làm sinh thiết qua da	2	3
107	- Cắt bờ gan	14	16
108	- Khâu thông túi nang hoặc áp xe	17	23
109	- Cắt gan, cắt phân thủy gan	24	31
110	- Khâu gan do vết thương hay chấn thương	17	23
	Tụy:		
111	- Khâu thông túi nang, làm sinh thiết	13	18
112	- Khâu tụy	16	22
113	- Cắt tụy kèm theo mở thông tụy-hồng tràng	27	35
114	- Phẫu thuật kiểu Whipple	45	55
	Lách:		
115	- Khâu lách do chấn thương	18	22
116	- Cắt lách	20	25
117	- Thoát vị: Khâu thoát vị, tạo hình thoát vị	8	14
	Nội soi:		
118	- Soi thực quản, soi dạ dày có kèm sinh thiết	4	6
119	- Soi đại trực tràng có làm sinh thiết	4	7
120	+ Có kèm theo cắt bỏ polyp	7	11
	Thực quản:		
121	- Cắt bỏ toàn bộ hoặc cắt đoạn thực quản kèm theo nối dạ dày	35	45
122	- Mở thực quản có hoặc không kèm theo lấy dị vật	14	20
	Dạ dày:		

123	- Mở dạ dày kiểm tra hoặc lấy dị vật, khâu lỗ thủng dạ dày	13	17
124	- Cắt 3/4 hoặc 2/3 dạ dày kèm theo cắt dây thần kinh phế vị	25	32
125	- Cắt toàn bộ dạ dày kèm theo tạo hình ghép ruột	37	45
126	- Cắt dây phế vị và tạo hình môn vị có/không kèm theo mở dạ dày	22	28
	Ruột:		
127	- Mở ruột non kiểm tra hay lấy dị vật, khâu lỗ thủng ruột non	18	24
128	- Cắt đoạn ruột non, cắt đoạn đại tràng, cắt đoạn ruột non-đại tràng	20	27
129	- Cắt đoạn ruột kèm theo mở đại tràng	28	35
130	- Mở đại tràng, manh tràng, hồi tràng	12	16
	Ruột thừa:		
131	- Chích áp-xe dẫn lưu	7	12
132	- Cắt ruột thừa	10	15
133	- Mạc treo ruột, mạc nối: Khâu vết thương, cắt bỏ	10	18
	Trực tràng:		
134	- Chích dẫn lưu áp-xe trên cơ nâng, quanh hoặc sau trực tràng	5	8
135	- Cắt bỏ trực tràng, cắt đường bụng - tầng sinh môn	25	35
136	- Nâng trực tràng sa trĩ	25	33
137	- Khâu vết thương trực tràng	10	18
	Hậu môn:		
138	- Chích dẫn lưu áp-xe	3	4
139	- Tạo hố xử trí áp-xe quanh hậu môn	4	5
140	- Cắt bỏ đường rò dưới da	3	4
141	- Cắt bỏ đường rò dưới cơ	11	14
142	- Cắt kẽ nứt có hoặc không kèm theo mở cơ vành	4	6
143	- Cắt trĩ nội, ngoại	6	11
144	- Thắt dải cao su	2	3
145	- Thắt các búi trĩ nội ngoại	4	8
	Bộ máy tiết niệu		
	Thận:		
146	- Dẫn lưu áp xe thận, áp xe quanh thận	14	20
147	- Sinh thiết thận qua da	2	4
148	- Rạch mở để sinh thiết	6	10
149	- Cắt bỏ nang	20	26
150	- Phá sỏi bằng sóng xung động ngoài cơ thể	10	18
151	- Khâu thận do chấn thương	18	24
152	- Cắt thận một phần	18	24
153	- Cắt bỏ thận kèm theo cắt một phần niệu quản	22	28
154	- Rạch mở thận, rạch mở đài bể thận lấy sỏi	20	28
155	- Rạch mở thận dẫn lưu, thăm dò	20	28
156	- Ghép thận	35	43
157	- Ghép thận có kèm theo cắt thận trên người nhận ghép 1 bên, 2 bên	55	70
	Niệu Quản:		

158	- Mở niệu quản để kiểm tra hoặc dẫn lưu, lấy sỏi	16	26
159	- Khâu niệu quản do vết thương	16	26
160	- Cắt bỏ niệu quản	20	28
	Niệu đạo:		
161	- Mở niệu đạo	3	4
162	- Nong đoạn niệu đạo bị chít hẹp	2	2
163	- Khâu khối niệu đạo sau	15	20
164	- Biện chứng dò, nhiễm trùng phải mổ	15	30
	Bàng quang:		
165	- Chọc hút bàng kim có nòng	1	1
166	- Cắt bỏ toàn bộ hoặc một phần bàng quang kèm theo sinh thiết, thủ thuật trong bàng quang, đốt nhiệt điện	25	30
167	- Mở bàng quang đốt điện, lấy sỏi	15	22
168	- Khâu vết thương bàng quang	12	15
169	- Mở bàng quang dẫn lưu (dẫn lưu bàng quang trên xương mu)	5	8
170	- Soi bàng quang - niệu đạo làm sinh thiết	3	4
171	- Thụt tháo sỏi nghiên	11	16
	Các cơ quan sinh dục		
	<i>NỮ</i>		
172	- Rạch tháo dẫn lưu áp xe hay làm sinh thiết tầng sinh môn	1	1
	Âm hộ và đường vào âm đạo:		
173	- Rạch tháo nang tuyến Bartholin	2	2
174	- Khâu thông túi	4	5
175	- Cắt bỏ u tuyến, u tuyến Bartholin	5	7
	Âm đạo:		
176	- Sinh thiết niêm mạc âm đạo	1	1
177	- Mở âm đạo thăm dò	4	6
178	- Cắt mở âm đạo bị tắc hoàn toàn	12	17
179	- Khâu âm đạo trước điều trị thoát vị bàng quang có/ không có sa niệu đạo	8	11
180	- Khâu âm đạo sau điều trị sa trực tràng	6	9
181	- Khâu âm đạo trước / sau kết hợp	13	16
182	- Điều trị thoát vị thành sau âm đạo (qua đường bụng)	15	19
	Cổ tử cung:		
183	- Làm sinh thiết hay cắt bỏ tổn thương, đốt điện áp lạnh, điều trị laser	2	2
184	- Sửa chữa môm cụt cổ tử cung	7	9
	Thân cổ tử cung:		
185	- Làm sinh thiết màng trong tử cung	1	2
186	- Cắt bỏ một hoặc nhiều u xơ qua đường bụng	8	15
187	- Cắt bỏ bán phần tử cung	10	15
188	- Cắt bỏ toàn bộ tử cung qua đường bụng có hoặc không kèm theo vòi trứng và/ hoặc buồng trứng một hoặc hai bên	18	25

	Ống dẫn trứng:		
189	- Cắt ngang ống dẫn trứng một hoặc hai bên	10	14
190	- Cắt bỏ hoàn toàn vòi - buồng trứng một hoặc hai bên	13	17
	Buồng trứng:		
	- <i>Dẫn lưu nang, áp xe buồng trứng một/ hai bên</i>		
191	+ Qua đường âm đạo	5	7
192	+ Qua đường bụng	14	18
193	- Cắt bỏ buồng trứng kèm theo cắt mạc nối	15	20
194	- Soi ổ bụng kèm theo đốt điện thương tổn, gỡ dính	7	10
	NAM		
	Dương vật:		
195	- Sinh thiết	1	1
196	- Cắt bỏ các vết loét	3	8
	Thùng tinh:		
197	- Phẫu thuật điều trị giãn tĩnh mạch thùng tinh, cắt bỏ u nang thùng tinh	7	11
	Tinh hoàn:		
198	- Hút, chích dẫn lưu tràn dịch màng tinh hoàn, sinh thiết	1	1
199	- Cắt bỏ tổn thương cục bộ, phẫu thuật lộn màng tinh hoàn	6	9
200	- Cắt bỏ một tinh hoàn	6	9
201	- Cắt bỏ hai tinh hoàn	10	13
	Tuyến tiền liệt:		
202	- Làm sinh thiết bằng kim, kim bấm	2	3
203	- Rạch mở tuyến	8	11
204	- Cắt bỏ tuyến, dẫn lưu áp xe tuyến	15	20
205	- Cắt bỏ đại bộ phận hoặc toàn bộ tuyến	22	28
	HỘ SINH (nếu có thể áp dụng)		
206	- Hút thai	2	2
207	- Nạo thai (kể cả nạo thai sau xảy thai)	4	6
208	- Phá thai bằng phương pháp đặt túi nước	6	9
	Đẻ thường:		
209	- Không phải cắt tầng sinh môn	0	0
210	- Có phải cắt tầng sinh môn	1	3
211	- Đẻ có phải can thiệp bằng For-cep	3	5
212	- Đẻ có phải can thiệp bằng giác hút	3	5
213	- Mổ lấy thai qua đường rạch cổ tử cung thấp (kinh điển)	10	15
214	- Mổ lấy thai chữa ngoài dạ con	10	15
215	- Mổ cổ tử cung, nạo thai chữa trứng	5	8
216	- Lấy thai chữa trứng qua đường mở ổ bụng, rạch mở tử cung	10	15
217	- Cắt bỏ toàn bộ hoặc phần lớn tử cung có thai bên trong	18	25
	Hệ thống cơ xương		
	Cắt cụt và tháo khớp		
	Tay:		

218	- Cắt xương cánh tay, xương quay và xương trụ	16	25
219	- Cắt bàn tay hay bàn chân	12	15
220	- Cắt ngón tay, cắt ngang khớp bao gồm cả cắt dây thần kinh	4	6
	Chân:		
221	- Cắt cụt qua háng, chậu hông-bụng	60	80
222	- Cắt cụt xương đùi ở bất cứ vị trí nào	20	30
223	- Cắt cụt cẳng chân, qua xương chày và xương mác, với kỹ thuật sửa chữa cho tiện sử dụng chi	18	25
	Trật khớp		
	Hàm:		
224	- Chỉnh kín khớp thái dương-hàm dưới	2	3
225	- Chỉnh ngò khớp có cố định hai hàm răng	15	20
	Vai:		
226	- Chỉnh kín khớp ức đòn trật	3	5
227	- Chỉnh ngò khớp vai trật kín hoặc hở, tạo hình ghép	10	15
	Khuỷu tay:		
228	- Chỉnh khớp khuỷu bảo tồn (kín)	2	4
229	- Chỉnh ngò khớp khuỷu trật kín hay hở	10	15
	Cổ tay:		
230	- Chỉnh kín cổ tay trật khớp	2	4
231	- Chỉnh ngò khớp cổ tay trật kín hay hở	6	8
	Các ngón tay:		
232	- Chỉnh kín khớp	1	2
233	- Chỉnh ngò khớp trật kín hay hở	3	5
	Háng:		
234	- Chỉnh khớp háng bảo tồn (kín)	3	5
235	- Chỉnh ngò khớp trật có cố định đầu xương đùi vào ổ cối	10	15
	Khớp gối:		
236	- Chỉnh kín khớp gối trật	2	3
237	- Chỉnh ngò khớp gối trật kín hay hở	7	12
	Bánh chè:		
238	- Chỉnh kín bánh chè trật khớp	2	3
239	- Chỉnh ngò bánh chè trật, có hoặc không cắt bỏ xương bánh chè	6	10
	Cổ chân:		
240	- Chỉnh khớp bảo tồn (kín)	1	3
241	- Chỉnh ngò khớp trật kín hay hở	6	10
	Ngón chân:		
242	- Chỉnh kín xương ngón chân trật khớp	1	2
243	- Chỉnh ngò xương ngón chân trật khớp kín hay hở	3	5
	Gãy xương		
	1. Chi trên:		
	Xương cánh tay:		

244	- Chỉnh kín xương gãy	5	7
245	- Chỉnh ngò xương gãy kín hoặc hở có/ không cố định trên xương	12	15
	Khuỷu tay:		
246	- Chỉnh kín khớp xương khuỷu tay gãy	5	7
247	- Chỉnh ngò khuỷu gãy kín hoặc hở có / không cố định trên xương	10	12
	Xương quay:		
248	- Chỉnh kín xương gãy	4	6
249	- Chỉnh ngò xương gãy kín hoặc hở có/ không cố định trên xương	10	12
	Xương trụ:		
250	- Chỉnh kín xương gãy	4	6
251	- Chỉnh ngò xương gãy kín hoặc hở có/ không cố định trên xương	8	10
	Xương trụ và xương quay:		
252	- Chỉnh kín xương gãy	6	8
253	- Chỉnh ngò xương gãy kín hoặc hở có cố định trên xương	12	15
	Cổ tay:		
254	- Gãy kiểu Colles hay Smith, chỉnh kín	4	6
255	- Gãy xương phức tạp phải cố định ngoại vi, đóng, xuyên đinh	8	10
256	- Lấy bỏ các mảnh ghép nằm nông	2	2
257	- Lấy bỏ các mảnh ghép nằm sâu	3	5
	Các ngón tay:		
258	- Chỉnh kín xương ngón gãy	2	4
259	- Chỉnh ngò xương gãy có/ không cố định xương	5	8
	2. Chi dưới:		
	Xương đùi:		
260	- Chỉnh kín xương gãy	8	10
261	- Chỉnh ngò xương gãy có/ không cố định trên xương kèm theo	18	25
262	- Bánh chè: Chỉnh ngò xương bánh chè vỡ	5	7
	Xương chày:		
263	- Chỉnh kín xương gãy	5	7
264	- Chỉnh ngò xương gãy kín hoặc hở có cố định trên xương	12	18
	Xương mác:		
265	- Chỉnh kín xương gãy	3	5
266	- Chỉnh ngò xương gãy kín hoặc hở	8	12
	Xương chày và xương mác:		
267	- Chỉnh kín 2 xương gãy có / không kèm theo xuyên đinh	7	10
268	- Chỉnh ngò 2 xương gãy kín hoặc hở, có/ không kèm theo cố định trên xương	15	22
	Cổ chân (xương gót, xương sên, xương thuyền):		
269	- Chỉnh kín xương gãy	3	5
270	- Chỉnh ngò xương gãy kín hay hở có cố định xương gãy	7	10
271	- Bàn chân: Chỉnh kín sụn bàn chân, xương bàn chân gãy	2	3

	3. Các xương khác:		
	Xương hàm:		
272	- Chỉnh kín hàm dưới gãy kèm theo cố định 2 cung răng	7	10
273	- Chỉnh ngò xương hàm gãy kèm theo cố định 2 cung răng	15	22
	Xương đòn:		
274	- Chỉnh kín xương gãy	3	5
275	- Chỉnh ngò xương gãy kín hoặc hở có / không cố định trên xương	10	15
	Xương bả:		
276	- Chỉnh kín xương gãy	3	5
277	- Chỉnh ngò xương gãy có / không kèm theo cố định trên xương	10	15
	Xương sườn:		
278	- Gãy 1 xương sườn	2	3
279	- Gãy từ 2 xương sườn trở lên	4	8
	Cột sống:		
280	- Chỉnh kín gai xương (đốt sống) gãy	10	20
281	- <i>Chỉnh ngò đốt sống gãy:</i>		
282	+ Đi đường vào phía sau	30	40
283	+ Đi đường vào phía trước, có kèm theo ghép xương	35	45
	Cắt bỏ, cố định hay sửa chữa bằng phẫu thuật		
284	- Xương cánh tay: cắt, nạo bỏ nang, u xương lành	10	15
285	- Khuỷu: Tạo hình đầu xương quay có dùng mảnh ghép	10	15
286	- Bàn và ngón tay: Cắt, nạo bỏ u nang, u xương lành có ghép xương tự thân	6	8
287	- Xương chậu: cắt bỏ u nang, u lành xương chậu ở nông, có/ không kèm theo ghép xương	6	10
	Háng:		
288	- Tạo hình khớp háng, ổ cối	30	40
289	- Cắt, đục xương chậu, ổ cối	20	25
290	- Đóng cứng khớp háng có đục xương đùi dưới mẫu chuyển	30	45
291	- Xương đùi Lấy nang xương, u lành:		
292	+ Không kèm theo ghép xương	13	17
293	+ Có ghép xương tự thân	17	25
	Khớp gối Khâu dây chằng xương bánh chè kỳ đầu, kéo dài gân bị:		
294	- Co ngắn ở một chi	8	13
	<i>Tái tạo kỳ đầu dây chằng bên rách, đứt có/ không kèm theo cắt:</i>		
295	- Bỏ đĩa đệm	15	20
296	- Mở nối bao khớp phía sau	15	20
	Cổ chân:		
297	- Nối gân Achille kỳ đầu	10	15
298	- Nối dây chằng bên cổ chân bị rách, đứt	10	15
299	- Nối cả hai dây chằng bên	14	20
300	- Cắt bỏ chai phồng ngón chân cái, cắt gai xương	2	5

301	- Rạch mở bao cân, bao gân	3	5
	Da, tổ chức dưới da, hệ thống bạch huyết và vú		
	Áp xe:		
302	- Chích dẫn lưu áp xe, đình nhọt	1	2
	Tổn thương lành tính:		
303	- Cắt bỏ	1	2
304	- Khoét, nạo có / không kèm theo đốt lửa	1	1
	Tổn thương ác tính:		
305	- Cắt bỏ	1	2
306	- Làm sinh thiết da, tổ chức dưới da, bao gồm cả đóng vết mổ	1	1
	Nang:		
307	- Chích dẫn lưu nang nhiễm trùng hoặc không nhiễm trùng	1	1
308	- Khoét bỏ nang, lấy vỏ nang và xử lý hốc tổn thương	2	2
309	- Bọc hoặc nang cụm lông: chích dẫn lưu, cắt bỏ	1	2
310	- Hạch: Cắt bỏ	3	5
	Hạch bạch huyết:		
311	- Làm sinh thiết, cắt bỏ hạch ở nông	2	2
312	- Cắt bỏ hạch ở sâu	3	5
	Móng:		
313	- Tháo, cắt bộ phận móng	1	1
314	- Khoét bỏ một phần hay toàn bộ móng lẫn chân nuôi dưỡng	2	4
315	- Các vật có chân nuôi: vật hình trụ ngoài da và tổ chức dưới da	6	12
	Cấy chuyển hoặc xoay chuyển tổ chức:		
316	- Ổ thân	5	8
317	- Da đầu, tay, chân	7	10
318	- Trán, mí mắt, mũi, má, môi, cằm, tai, cổ, nách, cơ quan sinh dục	10	13
319	- Bàn tay và bàn chân	10	13
	Vú:		
320	- Rạch áp xe, làm sinh thiết	2	4
321	- Cắt bỏ u nang, u xơ tuyến lành tính, tổ chức lạc chỗ, tổn thương núm vú trên bệnh nhân nam/ nữ, cắt ở 1 hay nhiều vị trí	4	7
322	- Cắt bỏ tuyến vú hoàn toàn, một bên	8	12
323	- Cắt bỏ tuyến vú hoàn toàn, hai bên	12	16
324	- Cắt triệt để vú, cơ ngực và nạo vét hạch nách	15	20

Nguyên tắc xét trả tiền bảo hiểm

Việc xét giải quyết trả tiền bảo hiểm theo bảng này sẽ căn cứ trên các chứng từ điều trị của người được bảo hiểm và các qui định dưới đây:

1- Những số liệu ghi trong bảng trên chỉ rõ mức đền bù có thể chi cho loại phẫu thuật tương ứng và được thể hiện dưới dạng tỷ lệ phần trăm của số tiền bảo hiểm.

Trường hợp phẫu thuật tiến hành bình thường, vết mổ không bị nhiễm trùng, không để lại di chứng sau mổ sẽ được trả tiền bảo hiểm tương ứng với mức thấp nhất của thang tỷ lệ trả tiền bảo hiểm qui định cho loại phẫu thuật này.

Trường hợp phẫu thuật tiến hành phức tạp, vết mổ bị nhiễm trùng hoặc sau khi phẫu thuật còn để lại di chứng, thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ được trả cao dần cho tới mức tối đa của thang tỷ lệ trả tiền bảo hiểm qui định cho trường hợp phẫu thuật này.

2- Trường hợp phẫu thuật đã tiến hành không được liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường một khoản tiền tương đương với tỷ lệ trả cho một phẫu thuật ở mức độ nặng tương tự.

3- Trường hợp quá một phẫu thuật được thực hiện qua một đường rạch, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chi trả cho loại phẫu thuật có mức đền bù cao nhất.

4- Trường hợp quá một phẫu thuật được thực hiện qua những đường mổ khác nhau trong cùng một cuộc mổ bởi cùng một phẫu thuật viên, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ dựa trên những chỉ dẫn đã nêu để trả tiền như sau:

- 100% mức trả cho phẫu thuật có tỷ lệ cao nhất
- và 50% mức trả cho mỗi phẫu thuật còn lại

5- Việc bồi thường theo bảng tỷ lệ này chỉ giải quyết theo loại phẫu thuật chứ không trả cho hậu quả của phẫu thuật đó để lại.

6- Đối với những loại phẫu thuật bắt buộc phải tiến hành làm nhiều lần thì lần sau sẽ trả số tiền tối đa bằng 50% của loại phẫu thuật sau (không kể trường hợp kết xương bằng đinh)/.